

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHU VỰC 3 - BẮC NINH

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày 22 tháng 7 năm 2025

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - BẮC NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Giáp Quang Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Sửu

2. Ông Trần Anh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Nam - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Thân Văn Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 22/7/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2055/TLST-HNGĐ ngày 01/7/2025 (Số 123/2025/TLST-HNGĐ ngày 12/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện T cũ), về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/6/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27/6/2025, Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 02/TB-TA ngày 09/7/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, tỉnh B (vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Trương Văn H, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trương Văn H kết hôn ngày 16/02/2022, kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh B. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm vợ chồng. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, không còn khả năng đoàn tụ, do đó chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trương Văn H.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

- ***Đối với bị đơn anh Trương Văn H:*** Anh H đã được Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh H không đến Tòa án làm việc, không nộp bản tự khai, vắng mặt tại các phiên tiếp cận công khai tài liệu chứng cứ, các phiên tòa không có lý do.

- ***Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày ý kiến:***

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, cụ thể vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận công khai tài liệu chứng cứ, các phiên tòa không có lý do.

Về nội dung: Căn cứ, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 3 Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Trương Văn H.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Trương Văn H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu giải quyết ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật về “Ly hôn”. Bị đơn anh Trương Văn H cư trú tại Thôn Đ, xã N, tỉnh B nên thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Bắc Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H và anh Trương Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh B ngày 16/02/2022 nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, quy định: Bị đơn anh H phải có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh, nhưng anh H không thực hiện nghĩa vụ của mình, không đưa ra tài liệu chứng cứ nào để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Xét lời khai của nguyên đơn về tình trạng hôn nhân phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương. Căn cứ quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng chị H, anh H có nhiều bất đồng về quan điểm sống, đã ly thân từ cuối đầu năm 2024 cho đến nay, không quan tâm gì đến nhau nữa. Căn cứ, quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, xác định mâu thuẫn vợ chồng chị H, anh H đã đến mức trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, không còn khả năng đoàn tụ. Do đó, nay chị H xin ly hôn anh H là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 3 Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Trương Văn H.
2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002323 ngày 12/5/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí.
3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND Khu vực 3 - Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- UBND xã N, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giáp Quang Huy

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 00 phút, ngày 22 tháng 7 năm 2025; tại: Phòng nghị án Toà án nhân dân Khu vực 3 - Bắc Ninh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giáp Quang Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Sửu, Ông Trần Anh Dũng.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 10/2025/TLST-HNGĐ ngày 01/7/2025 (Số 123/2025/TLST-HNGĐ ngày 12/5/2025 của Toà án nhân dân huyện Tân Yên cũ) về việc “Ly hôn” giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, tỉnh B (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trương Văn H, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, tỉnh B (vắng mặt).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật;

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

- Về Điều luật áp dụng: Căn cứ, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 3 Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết 3/3

- Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Trương Văn H.

Kết quả biểu quyết 3/3

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002323 ngày 12/5/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí.

Kết quả biểu quyết 3/3

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Kết quả biểu quyết 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 30 phút, ngày 22 tháng 7 năm 2025;

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Sửu

Trần Anh Dũng

Giáp Quang Huy